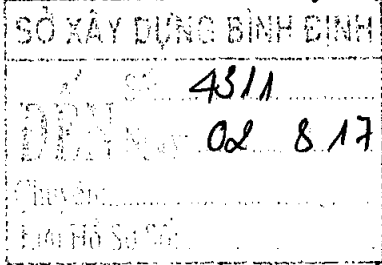


Số: **27** /2017/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **14** tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2016-2020



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/06/2016 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định khóa XII, kỳ họp thứ 4 về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2016-2020,

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Bình Định và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 7 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị

xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: XD, TC, KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ TP; (b/c)
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CVP, PVPCN;
- Lưu: VT, K14.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Cao Thắng

KẾ HOẠCH

**điều chỉnh, bổ sung phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định,
giai đoạn 2016-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2017 /QĐ-UBND
ngày 14 / 7 /2017 của UBND tỉnh Bình Định)*

1. Đối với nhà ở các đối tượng chính sách giữ nguyên theo Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 31/2015/NQ-HĐND và UBND tỉnh đã ban hành tại Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015.
2. Đưa dự án nhà ở thu nhập thấp tại khu đất Trung tâm giết mổ động vật Bạch Tuyết, phường Nhơn Phú, Quy Nhơn (0,2ha) và khu đất Hợp tác xã Vận tải 1/4 Quy Nhơn tại đường Phạm Hồng Thái (0,3ha) ra khỏi danh mục dự án phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2016 - 2020.
3. Đưa toàn bộ các dự án nhà ở sinh viên ra khỏi danh mục dự án phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2016 - 2020.
4. Đưa ra khỏi danh mục dự án phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2016 - 2020 đối với Dự án nhà ở cho công nhân của dự án Tổ hợp lọc, hóa dầu Nhơn Hội (dự án Victory).
5. Điều chỉnh quy mô sử dụng đất của dự án nhà ở xã hội tại phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn từ 01 ha lên 1,6 ha.
6. Bổ sung vào danh mục dự án nhà ở xã hội giai đoạn 2016-2020:
 - a) Dự án nhà ở công nhân do doanh nghiệp đầu tư để phục vụ cho 300 công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp Nhơn Hòa tại khu đất với diện tích khoảng 1,4ha thuộc phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn.
 - b) Dự án nhà ở công nhân do doanh nghiệp đầu tư để phục vụ cho 800 công nhân, người lao động làm việc tại Khu Kinh tế Nhơn Hội tại khu đất với diện tích khoảng 33,46ha tại phân khu số 8 Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội.
 - c) Dự án chung cư nhà thu nhập thấp do doanh nghiệp đầu tư tại 04 khu đất có tổng diện tích khoảng 8,4ha để xây dựng khoảng 5.700 căn hộ chung cư thu nhập thấp đáp ứng nhu cầu cho các đối tượng tại thành phố Quy Nhơn (khu đất tại Khu Trung tâm đào tạo nghiệp vụ Giao thông vận tải, phường Quang

Trung, diện tích 0,6 ha; khu đất tại Khu C - Khu Đô thị thương mại Bắc sông Hà Thanh, diện tích 0,8 ha; khu đất tại phường Nhơn Bình, diện tích 5 ha; khu đất tại phường Trần Quang Diệu, diện tích 2 ha).

d) Dự án nhà ở xã hội theo mô hình nhà ở liên kế (diện tích đất mỗi căn nhà khoảng 50 m², tối đa 02 tầng) tại khu đất diện tích khoảng 05ha do doanh nghiệp đầu tư tại xã Phước Mỹ để đáp ứng nhu cầu nhà ở công nhân tại khu công nghiệp Phú Tài và Long Mỹ.

đ) Dự án nhà ở xã hội theo mô hình nhà ở liên kế (diện tích đất mỗi căn nhà khoảng 50 m², tối đa 02 tầng) tại khu đất diện tích khoảng 05ha do doanh nghiệp đầu tư tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh để đáp ứng nhu cầu nhà ở công nhân tại Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex - Bình Định.

e) Dự án nhà ở xã hội với khu đất diện tích khoảng 02ha do doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn huyện Hoài Nhơn.

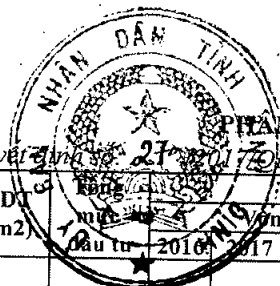
g) Dự án nhà ở xã hội với khu đất diện tích khoảng 01ha do doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn huyện Tây Sơn./.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo) *ph*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Cao Thắng
Phan Cao Thắng



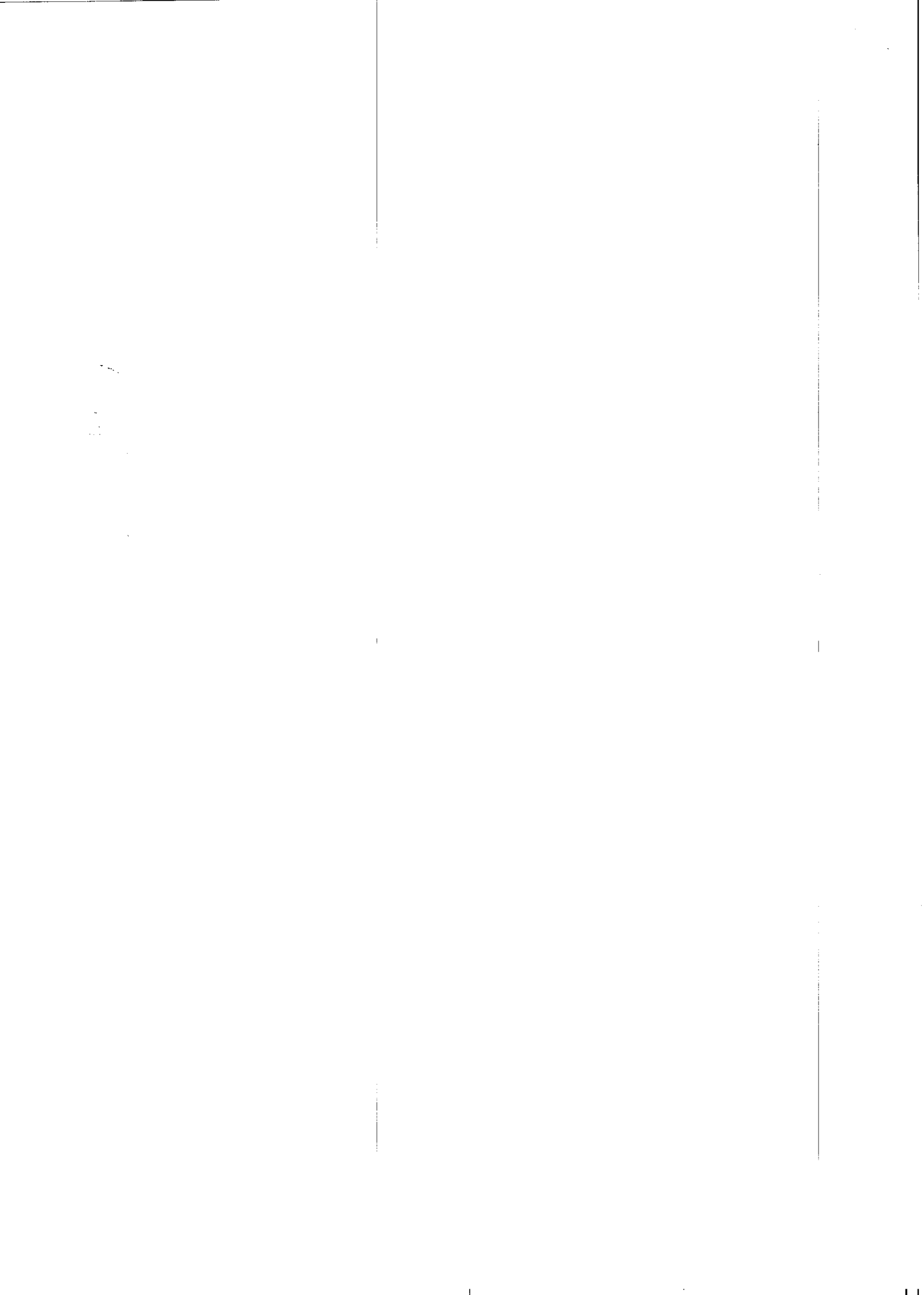
PHỤ LỤC 1

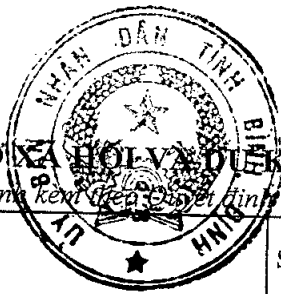
PHÂN KỶ VỐN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN (2016-2020)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 1 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: tỷ đồng

TT	Nội dung	Tổng Dự sàn (m2)	Chia ra																		
			Vốn Trung ương					Vốn NS tỉnh					Vốn khác								
			2016	2017	2018	2019	2020	Cộng	2016	2017	2018	2019	2020	Cộng	2016	2017	2018	2019	2020	Cộng	
1	Nhà ở xã hội tại đô thị cho các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức; lực lượng vũ trang; các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ; hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở; người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại đô thị	421.260	3.159,45													54,00	93,15	1.022,40	1.022,40	967,50	3.159,45
2	Nhà ở cho người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế	167.500	905,00													0,00	24,00	301,67	301,67	277,67	905,00
3	Nhà ở cho người có công với cách mạng, hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn; hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu (bao gồm chi phí quản lý 0,5%)	246.000,0	291,45	0,00	33,75	33,75	33,75	33,75	135,00	0,07	4,08	4,11	4,11	4,08	16,45	14,00	28,00	35,00	35,00	28,00	140,00
	1. Hỗ trợ XD nhà ở hộ nghèo	96.000	140,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00								14,00	28,00	35,00	35,00	28,00	140,00
	2. Hỗ trợ XD nhà ở hộ người có công	150.000	151,45	0,00	33,75	33,75	33,75	33,75	135,00	0,07	4,08	4,11	4,11	4,08	16,45		0,00				
	Cộng	834.760	4.355,90	0,00	33,75	33,75	33,75	33,75	135,00	0,07	4,08	4,11	4,11	4,08	16,45	68,00	145,15	1.359,07	1.359,07	1.273,17	4.204,45





PHỤ LỤC 2

DANH MỤC DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ, NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Dự án	Số lượng (căn hộ/nhà)	Diện tích sàn căn hộ/nhà (m2)	Kế hoạch vốn 2016- 2020 (tỷ đồng)	Nguồn vốn (tỷ đồng)				
					Vốn TW	Vốn địa phương	Vốn vay NHCSXH	Vốn DN và vốn vay	Vốn huy động khác
I	Nhà ở xã hội tại đô thị cho các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức; lực lượng vũ trang; các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ; hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở; người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại đô thị	7.021	421.260	3.159,45	0,00	0,00	0,00	3.159,45	0,00
1	Dự án Chung cư Hoàng Văn Thụ tại khu vực 6, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, diện tích sử dụng đất 0,95 ha (2017-2019)	334	20.040	150,30	0,00	0,00	0,00	150,30	0,00
2	Dự án Nhà ở xã hội Phú Mỹ - Quy Nhơn- khu vực 11, phường Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn, diện tích sử dụng đất 0,94 ha (2015-2017)	237	14.220	106,65	0,00	0,00	0,00	106,65	0,00
3	Các dự án tại: Khu đô thị mới An Phú Thịnh (khu đất 2,04 ha); Khu đất số 44 Đình Bộ Lĩnh. QN (0,7 ha); Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	501	30.060	225,45	0,00	0,00	0,00	225,45	0,00
4	Các dự án tại: khu đất tại Khu Trung tâm đào tạo nghiệp vụ GTVT phường Quang Trung diện tích 0,6 ha; khu đất tại Khu C - Khu Đô thị thương mại Bắc sông Hà Thanh diện tích 0,8 ha; khu đất tại phường Nhơn Bình diện tích 5 ha; khu đất tại phường Trần Quang Diệu diện tích 2 ha; Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	5.700	342.000	2.565,00			0,00	2.565,00	0,00
5	Dự án tại phường Bùi Thị Xuân, diện tích khoảng 1,6 ha. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	249	14.940	112,05	0,00	0,00	0,00	112,05	0,00
II	Nhà ở cho người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế	2.125	167.500	905	0	0	0	905	0

1	Dự án Phát triển khu nhà ở Vạn Phát tại Khu vực Bàu Lát, phường Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân, Tp. Quy Nhơn; diện tích 4,2 ha. Dự kiến thực hiện 2017-2019	200	12.000	72,00	0,00	0,00	0,00	72,00	0,00
2	Dự án tại khu đất với diện tích khoảng 1,4ha thuộc phường Nhơn Hòa thị xã An Nhơn. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	150	9.000	54,00	0,00	0,00	0,00	54,00	0,00
3	Dự án tại khu đất với diện tích khoảng 33,46ha tại phân khu số 8 khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	400	24.000	144,00	0,00	0,00	0,00	144,00	0,00
4	Dự án tại khu đất diện tích khoảng 05ha do doanh nghiệp đầu tư tại xã Phước Mỹ. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	500	50.000	250,00	0,00	0,00	0,00	250,00	0,00
5	Dự án tại khu đất diện tích khoảng 05ha do doanh nghiệp đầu tư tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	500	50.000	250,00	0,00	0,00	0,00	250,00	0,00
6	Dự án tại khu đất diện tích khoảng 02ha trên địa bàn huyện Hoài Nhơn. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	250	15.000	90,00	0,00	0,00	0,00	90,00	0,00
7	Dự án tại khu đất diện tích khoảng 01ha trên địa bàn huyện Tây Sơn. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	125	7.500	45,00	0,00	0,00	0,00	45,00	0,00
III	Nhà ở cho người có công với cách mạng, hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn; hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu	9.000	246.000	290,00	135,00	15,00	100,00	0,00	40,00
1	Chương trình mục tiêu: Hỗ trợ khoảng 4.000 hộ nghèo cải thiện nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2016-2020)	4.000	96.000	140,00	0,00	0,00	100,00	0,00	40,00
2	Hỗ trợ cho khoảng 5.000 hộ gia đình có người có công với cách mạng cải thiện nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2017-2020)	5.000	150.000	150,00	135,00	15,00	0,00	0,00	0,00
IV	Kinh phí quản lý thực hiện (0,5%)			1,45		1,45	0,00	0,00	0,00
	Tổng cộng:	18.146	834.760	4.355,90	135,00	16,45	100,00	4.064,45	40,00



PHỤ LỤC 3

KINH PHÍ, NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2016

(Ban hành kèm Quyết định số 2727/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Dự án	Số lượng (căn hộ/nhà)	Diện tích sàn căn hộ/nhà (m2)	Kế hoạch vốn 2016	Nguồn vốn				
					Vốn TW	Vốn địa phương	Vốn vay NHCSXH	Vốn DN và vốn vay	Vốn huy động khác
I	Nhà ở xã hội tại đô thị cho các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức; lực lượng vũ trang; các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ; hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở; người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại đô thị	120	7.200	54,00	0,00	0,00		54,00	0,00
1	Dự án Nhà ở xã hội Phú Mỹ - Quy Nhơn- khu vực 11, phường Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn (2016-2017)	120	7.200	54,00				54,00	0,00
II	Nhà ở cho người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế	0	0	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
III	Nhà ở cho người có công với cách mạng, hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn; hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu	400	9.600	14,00	0,00	0,00	10,00	0,00	4,00
1	Chương trình mục tiêu: Hỗ trợ khoảng 4.000 hộ nghèo cải thiện nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2016-2020)	400	9.600	14,00	0,00	0,00	10,00	0,00	4,00
IV	Kinh phí quản lý thực hiện (0,5%)			0,07	0,00	0,07	0,00	0,00	0,00
	Tổng cộng:	520	16.800	68,07	0,00	0,07	10,00	54,00	4,00

PHỤ LỤC 4

DỰ KIẾN KINH PHÍ, NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~27~~ /2017/QĐ-UBND ngày ~~14~~ tháng ~~7~~ năm 2017 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Dự án	Số lượng (căn hộ/nhà)	Diện tích sàn căn hộ/nhà	Kế hoạch vốn 2017	Nguồn vốn				
					Vốn TW	Vốn địa phương	Vốn vay NHCSXH	Vốn DN và vốn vay	Vốn huy động khác
I	Nhà ở xã hội tại đô thị cho các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức; lực lượng vũ trang; các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ; hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở; người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại đô thị	207	12.420	93,15	0,00	0,00		93,15	0,00
1	Dự án Chung cư Hoàng Văn Thụ tại khu vực 6, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, diện tích sử dụng đất 0,95 ha (2017-2019)	90	5.400	40,50	0,00	0,00		40,50	0,00
2	Dự án Nhà ở xã hội Phú Mỹ - Quy Nhơn- khu vực 11, phường Ngô Mỹ, thành phố Quy Nhơn (2015-2017)	117	7.020	52,65				52,65	0,00
II	Nhà ở cho người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế	67	4.000	24,00	0,00	0,00		24,00	0,00
1	Dự án Phát triển khu nhà ở Vạn Phát tại Khu vực Bàu Lát, phường Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân, Tp. Quy Nhơn; diện tích 4,2 ha. Dự kiến thực hiện 2017-2019	67	4.000	24	-	-	-	24	-
III	Nhà ở cho người có công với cách mạng, hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn; hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu	2.050	56.700	65,50	33,75	3,75	20,00	0,00	8,00
1	Chương trình mục tiêu: Hỗ trợ khoảng 4.000 hộ nghèo cải thiện nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2016-2020)	800	19.200	28,00	0,00	0,00	20,00	0,00	8,00
2	Hỗ trợ cho khoảng 5.000 hộ gia đình có người có công với cách mạng cải thiện nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2017-2020)	1.250	37.500	37,50	33,75	3,75	0,00	0,00	0,00
IV	Kinh phí quản lý thực hiện (0,5%)			0,33	0,00	0,33	0,00	0,00	0,00
	Tổng cộng:	2.324	73.120	182,98	33,75	4,08	20,00	117,15	8,00



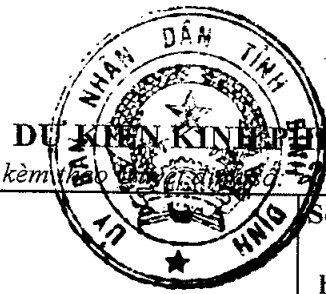
PHỤ LỤC 5

DỰ KIẾN KINH PHÍ, NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27 /2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Dự án	Số lượng (căn hộ/nhà)	Diện tích sàn căn hộ/nhà	Kế hoạch vốn 2018	Nguồn vốn				
					Vốn TW	Vốn địa phương	Vốn vay NHCSXH	Vốn DN và vốn vay	Vốn huy động khác
I	Nhà ở xã hội tại đô thị cho các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức; lực lượng vũ trang; các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ; hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở; người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại đô thị	2.272	136.320	1.022,40	0,00	0,00	0,00	1.022,40	0,00
1	Dự án Chung cư Hoàng Văn Thụ tại khu vực 6, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, diện tích sử dụng đất 0,95 ha (2017-2019)	122	7.320	54,90	0,00	0,00		54,90	0,00
2	Các dự án tại: Khu đô thị mới An Phú Thịnh (khu đất 2,04 ha); Khu đất số 44 Đinh Bộ Lĩnh. TP.Quy Nhơn (0,7 ha); Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	167	10.020	75	0	0	0	75	0
3	Các dự án tại: khu đất tại Khu Trung tâm đào tạo nghiệp vụ GTVT phường Quang Trung diện tích 0,6 ha; khu đất tại Khu C - Khu Đô thị thương mại Bắc sông Hà Thanh diện tích 0,8 ha; khu đất tại phường Nhơn Bình diện tích 5 ha; khu đất tại phường Trần Quang Diệu diện tích 2 ha; Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	1.900	114.000	855	0	0	0	855	0
4	Dự án tại phường Bùi Thị Xuân, diện tích khoảng 1,6 ha. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	83	4.980	37	0	0	0	37	0
II	Nhà ở cho người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế	708	55.833	301,67	0,00	0,00	0,00	301,67	0,00
1	Dự án Phát triển khu nhà ở Vạn Phát tại Khu vực Bàu Lát, phường Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân, Tp. Quy Nhơn; diện tích 4,2 ha. Dự kiến thực hiện 2017-2019	67	4.000	24	0	0	0	24	0

2	Dự án tại khu đất với diện tích khoảng 1,4ha thuộc phường Nhơn Hòa thị xã An Nhơn. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	50	3.000	18	0	0	0	18	0
3	Dự án tại khu đất với diện tích khoảng 33,46ha tại phân khu số 8 khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	133	8.000	48	0	0	0	48	0
4	Dự án tại khu đất diện tích khoảng 05ha do doanh nghiệp đầu tư tại xã Phước Mỹ. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	167	16.667	83	0	0	0	83	0
5	Dự án tại khu đất diện tích khoảng 05ha do doanh nghiệp đầu tư tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	167	16.667	83	0	0	0	83	0
6	Dự án tại khu đất diện tích khoảng 02ha trên địa bàn huyện Hoài Nhơn. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	83	5.000	30	0	0	0	30	0
7	Dự án tại khu đất diện tích khoảng 01ha trên địa bàn huyện Tây Sơn. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	42	2.500	15	0	0	0	15	0
III	Nhà ở cho người có công với cách mạng, hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn; hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu	2.250	61.500	72,50	33,75	3,75	25,00	0,00	10,00
1	Chương trình mục tiêu: Hỗ trợ khoảng 4.000 hộ nghèo cải thiện nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2016-2020)	1.000	24.000	35,00	0,00	0,00	25,00	0,00	10,00
2	Hỗ trợ cho khoảng 5.000 hộ gia đình có người có công với cách mạng cải thiện nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2017-2020)	1.250	37.500	37,50	33,75	3,75	0,00	0,00	0,00
IV	Kinh phí quản lý thực hiện (0,5%)			0,36	0,00	0,36	0,00	0,00	0,00
	Tổng cộng:	5.230	253.653	1.396,93	33,75	4,11	25,00	1.324,07	10,00



PHỤ LỤC 6

DỰ KIẾN KINH PHÍ, NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Dự án	Số lượng (căn hộ/nhà)	Diện tích sàn căn hộ/nhà (m2)	Kế hoạch vốn 2019	Nguồn vốn				
					Vốn TW	Vốn địa phương	Vốn vay NHCSXH	Vốn DN và vốn vay	Vốn huy động khác
I	Nhà ở xã hội tại đô thị cho các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức; lực lượng vũ trang; các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ; hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở; người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại đô thị	2.272	136.320	1.022,40	0,00	0,00	0,00	1.022,40	0,00
1	Dự án Chung cư Hoàng Văn Thụ tại khu vực 6, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, diện tích sử dụng đất 0,95 ha (2017-2019)	122	7.320	54,90	0,00	0,00		54,90	0,00
2	Các dự án tại: Khu đô thị mới An Phú Thịnh (khu đất 2,04 ha); Khu đất số 44 Đỉnh Bộ Lĩnh. QN (0,7 ha); Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	167	10.020	75,15	0,00	0,00	0,00	75,15	0,00
3	Các dự án tại: khu đất tại Khu Trung tâm đào tạo nghiệp vụ GTVT phường Quang Trung diện tích 0,6 ha; khu đất tại Khu C - Khu Đô thị thương mại Bắc sông Hà Thanh diện tích 0,8 ha; khu đất tại phường Nhơn Bình diện tích 5 ha; khu đất tại phường Trần Quang Diệu diện tích 2 ha; Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	1.900	114.000	855,00	0,00	0,00	0,00	855,00	0,00
4	Dự án tại phường Bùi Thị Xuân, diện tích khoảng 1,6 ha. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	83	4.980	37,35	0,00	0,00	0,00	37,35	0,00
II	Nhà ở cho người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế	708	55.833	301,67	0,00	0,00		301,67	0,00
1	Dự án Phát triển khu nhà ở Vạn Phát tại Khu vực Bàu Lát, phường Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân, Tp. Quy Nhơn; diện tích 4,2 ha. Dự kiến thực hiện 2017-2019	67	4.000	24,00	0,00	0,00	0,00	24,00	0,00
2	Dự án tại khu đất với diện tích khoảng 1,4ha thuộc phường Nhơn Hòa thị xã An Nhơn. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	50	3.000	18,00	0,00	0,00	0,00	18,00	0,00

3	Dự án tại khu đất với diện tích khoảng 33,46ha tại phân khu số 8 khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	133	8.000	48,00	0,00	0,00	0,00	48,00	0,00
4	Dự án tại khu đất diện tích khoảng 05ha do doanh nghiệp đầu tư tại xã Phước Mỹ. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	167	16.667	83,33	0,00	0,00	0,00	83,33	0,00
5	Dự án tại khu đất diện tích khoảng 05ha do doanh nghiệp đầu tư tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	167	16.667	83,33	0,00	0,00	0,00	83,33	0,00
6	Dự án tại khu đất diện tích khoảng 02ha trên địa bàn huyện Hoài Nhơn. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	83	5.000	30,00	0,00	0,00	0,00	30,00	0,00
7	Dự án tại khu đất diện tích khoảng 01ha trên địa bàn huyện Tây Sơn. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	42	2.500	15,00	0,00	0,00	0,00	15,00	0,00
III	Nhà ở cho người có công với cách mạng, hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn; hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu	2.250	61.500	72,50	33,75	3,75	25,00	0,00	10,00
1	Chương trình mục tiêu: Hỗ trợ khoảng 4.000 hộ nghèo cải thiện nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2016-2020)	1.000	24.000	35,00	0,00	0,00	25,00	0,00	10,00
2	Hỗ trợ cho khoảng 5.000 hộ gia đình có người có công với cách mạng cải thiện nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2017-2020)	1.250	37.500	37,50	33,75	3,75	0,00	0,00	0,00
IV	Kinh phí quản lý thực hiện (0,5%)			0,36	0,00	0,36	0,00	0,00	0,00
	Tổng cộng:	5.230	253.653	1.396,93	33,75	4,11	25,00	1.324,07	10,00

**PHỤ LỤC 7****DỰ KIẾN KINH PHÍ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2020***(Ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 4 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Định)*

TT	Dự án	Số hộ (cán hộ/nhà)	Diện tích sàn căn hộ/nhà	Kế hoạch vốn 2020	Nguồn vốn				
					Vốn TW	Vốn địa phương	Vốn vay NHCSXH	Vốn DN và vốn vay	Vốn huy động khác
I	Nhà ở xã hội tại đô thị cho các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức; lực lượng vũ trang; các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ; hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở; người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại đô thị	2.150	129.000	967,50	0,00	0,00	0,00	967,50	0,00
1	Các dự án tại: Khu đô thị mới An Phú Thịnh (khu đất 2,04 ha); Khu đất số 44 Đinh Bộ Lĩnh. QN (0,7 ha); Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	167	10.020	75,15	0,00	0,00	0,00	75,15	0,00
2	Các dự án tại: khu đất tại Khu Trung tâm đào tạo nghiệp vụ GTVT phường Quang Trung diện tích 0,6 ha; khu đất tại Khu C - Khu Đô thị thương mại Bắc sông Hà Thanh diện tích 0,8 ha; khu đất tại phường Nhơn Bình diện tích 5 ha; khu đất tại phường Trần Quang Diệu diện tích 2 ha; Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	1.900	114.000	855,00	0,00	0,00	0,00	855,00	0,00
3	Dự án tại phường Bùi Thị Xuân, diện tích khoảng 1,6 ha. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	83	4.980	37,35	0,00	0,00	0,00	37,35	0,00
II	Nhà ở cho người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế	642	51.833	277,67	0,00	0,00		277,67	0,00
1	Dự án tại khu đất với diện tích khoảng 1,4ha thuộc phường Nhơn Hòa thị xã An Nhơn. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	50	3.000	18,00	0,00	0,00	0,00	18,00	0,00
2	Dự án tại khu đất với diện tích khoảng 33,46ha tại phân khu số 8 khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	133	8.000	48,00	0,00	0,00	0,00	48,00	0,00

3	Dự án tại khu đất diện tích khoảng 05ha do doanh nghiệp đầu tư tại xã Phước Mỹ. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	167	16.667	83,33	0,00	0,00	0,00	83,33	0,00
4	Dự án tại khu đất diện tích khoảng 05ha do doanh nghiệp đầu tư tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	167	16.667	83,33	0,00	0,00	0,00	83,33	0,00
5	Dự án tại khu đất diện tích khoảng 02ha trên địa bàn huyện Hoài Nhơn. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	83	5.000	30,00	0,00	0,00	0,00	30,00	0,00
6	Dự án tại khu đất diện tích khoảng 01ha trên địa bàn huyện Tây Sơn. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020	42	2.500	15,00	0,00	0,00	0,00	15,00	0,00
III	Nhà ở cho người có công với cách mạng, hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn; hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu	2.050	56.700	65,50	33,75	3,75	20,00	0,00	8,00
1	Chương trình mục tiêu: Hỗ trợ khoảng 4.000 hộ nghèo cải thiện nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2016-2020)	800	19.200	28,00	0,00	0,00	20,00	0,00	8,00
2	Hỗ trợ cho khoảng 5.000 hộ gia đình có người có công với cách mạng cải thiện nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2017-2020)	1.250	37.500	37,50	33,75	3,75	0,00	0,00	0,00
IV	Kinh phí quản lý thực hiện (0,5%)			0,33	0,00	0,33	0,00	0,00	0,00
	Tổng cộng:	4.842	237.533	1.310,99	33,75	4,08	20,00	1.245,17	8,00